ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÔ TRANH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 423/QĐ-UBND	*Vô Tranh, ngày 04 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Vô Tranh

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ VÔ TRANH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước năm 2015; Luật Số 56/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật: Chứng khoán, Kế toán, Kiểm toán độc lập, Ngân sách nhà nước, Quản lý, sử dụng tài sản công, Quản lý thuế, Thuế thu nhập cá nhân, Dự trữ quốc gia, Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chỉ tiết thi hành một sô điêu của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đôi với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-UBND, ngày 15/9/2025 của UBND xã Vô Tranh về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Vô Tranh;

Theo đề nghị của phòng Kinh tế tại Tờ trình số 198/TTr-KT, ngày 01 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 xã Vô Tranh theo các phụ lục kèm theo Quyết định này.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Phòng Kinh tế phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn các đơn vị dự toán tổ chức thực hiện đảm bảo tuân thủ đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận
- Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên;
- Thường trực Đảng uỷ xã (B/c);
- Thường trực HĐND xã (B/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Như Điều 3;
- Cổng thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

U.B.N.D XÃ VÔ TRANH T.THÁI NGUYÊN

Hoàng Thế Tiến

Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 423QĐ-UBND, ngày 04/12/2025 của UBND xã Vô Tranh)

Đơn vị: Triệu đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	**260.938**	**TỔNG SỐ CHI**	**222.738**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		I. Chi đầu tư phát triển	10.916
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	38.200	II. Chi thường xuyên	177.461
III. Thu bổ sung	200.564	III. Dự phòng	2.943
- Bổ sung cân đối	24.737	IV. Chi các chương trình mục tiêu	9.244
- Bổ sung có mục tiêu	175.827	- Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	8.274
IV. Thu chuyển nguồn	17.665	- Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	970
V. Thu kết dư	947	V. Chi từ nguồn chuyển nguồn	17.665
VI. Thu từ viện trợ, tài trợ, huy động, đóng ghóp	3.562	VI. Chi từ nguồn kết dư	947
		VII. Chi từ nguồn viện trợ, tài trợ, huy động, đóng ghóp	3.562

Biểu số 109/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 423QĐ-UBND, ngày 04/10/2025 của UBND xã Vô Tranh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025	
		THU NSNN	THU NS XÃ
A	B	3	4
	TỔNG THU	**260.938**	**222.738**
I	**Các khoản thu 100%**		
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)**	**38.200**	**0**
1	Các khoản thu phân chia	41	0
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	41	
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
-	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
-	Lệ phí trước bạ nhà, đất		
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	38.159	
-	Thu từ khu vực DNNN địa phương quản lý	57	
-	Thu ngoài quốc doanh	20.282	
-	Thu tiền sử dụng đất	7.795	
-	Thuế thu nhập cá nhân	1.911	
-	Thu tiền thuê đất	310	
-	Lệ phí trước bạ	6.318	
-	Phí và lệ phí	939	
-	Thu khác ngân sách	547	
III	**VI. Thu từ viện trợ, tài trợ, huy động, đóng ghóp**	**3.562**	**3.562**
IV	**Thu chuyển nguồn**	**17.665**	**17.665**
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**	**947**	**947**
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**200.564**	**200.564**
	- Thu bổ sung cân đối	24.737	24.737
	- Thu bổ sung có mục tiêu	175.827	175.827

Biểu số 110/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 423QĐ-UBND, ngày 04/10/2025 của UBND xã Vũ Thái)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2025		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	**222.738**	**29.330**	**193.408**
	Trong đó			
1	Chi giáo dục	121.160	3.071	118.089
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	0		
3	Chi y tế	0		
4	Chi văn hóa, thông tin	654		654
5	Chi phát thanh, truyền thanh	0		
6	Chi thể dục thể thao	90		90
7	Chi bảo vệ môi trường	0		
8	Chi các hoạt động kinh tế	3.918		3.918
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	42.280		42.280
10	Chi cho công tác xã hội	5.708		5.708
11	Chi quốc phòng an ninh địa phương	6.844	241	6.603
12	Chi khác	7.723	7.604	119
13	Dự phòng ngân sách	2.943		2.943
14	Chi các chương trình mục tiêu	9.244	7.128	2.116
-	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	8.274	7.128	1.146
-	Chi các chương trình mục tiêu nhiệm vụ	970		970
15	Chi từ nguồn chuyển nguồn	17.665	11.048	6.617
16	Chi từ nguồn kết dư	947		947
17	Chi từ nguồn viện trợ, tài trợ, huy động, đóng ghóp	3.562	238	3.324

Biểu số 111/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (1) NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 423QĐ-UBND, ngày 04/10/2025 của UBND xã Võ Tranh)

Đơn vị: Triệu đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ		**488.148**	**7.833**	**337.148**	**29.023**	**29.408**			
Nguồn vốn: Thu tiền sử dụng đất		**211.272**	**0**	**211.272**	**9.853**	**9.853**			
Cải tạo, sửa chữa trụ sở công an các xã Võ Tranh, Hợp Thành	2022-2023	454		454	53	53			
Cải tạo, mở rộng bếp ăn, hạng mục phụ trợ Cơ sở điều trị tự nguyện và công tác xã hội	2024	459		459	188	188			
Cải tạo, Sửa chữa đường Dốc Võng - Trại giam- Võ Tranh (đoạn km1 +215 đến Km2+375)	2024	5.448		5.448	2.078	2.078			
Trường THCS Cổ Lũng. Hạng mục: Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	2023-2024	2.829		2.829	52	52			
Hệ thống điện chiếu sáng QL3 xã Cổ Lũng (từ Km 78+196 đến Km83+260);	2024	4.336		4.336	1.000	1.000			
Trường Mầm non Võ Tranh. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và hạng mục phụ trợ	2023-2024	8.185		8.185	1.469	1.469			
Trường THCS Võ Tranh. Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và hạng mục phụ trợ	2024-2025	4.661		4.661	750	750			
Trường Tiểu học Phú Đô 1. Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và hạng mục phụ trợ	2024-2025	6.000		6.000	300	300			
Trường THCS Phú Đô. Hạng mục: Nhà 2 tầng và hạng mục phụ trợ	2025-2026	6.000		6.000	200	200			
Trường Mầm non xã Tức Tranh. Hạng mục: Nhà 2 tầng, bếp ăn bán trú và hạng mục phụ trợ (điểm trường Khe Cốc)	2025-2026	6.900		6.900	300	300			
Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường Giang tiên - Phú Đô - Núi Phấn (đoạn QL3 - Đồng Hút; xã Tức Tranh - Phú Đô; Ngã ba Bình Long - QL3 mới)	2025	5.800		5.800	1.425	1.425			
Sửa chữa, cải tạo vỉa hè đoạn từ xóm Đường Gòong đến xóm Đồi Chè xã Cổ Lũng (từ Km81+200 đến Km83+200)	2025	10.200		10.200	1.845	1.845			
Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới đường Vành đai 1,xã Cổ Lũng	2024-2028	150.000		150.000	193	193			
Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		**34.656**	**3.612**	**34.656**	**6.063**	**6.063**			
Ngân sách trung ương		**31.358**	**2.654**	**31.358**	**5.363**	**5.363**			
Nâng cấp, mở rộng đoạn từ trung tâm xã Võ Tranh đi đường Thái Nguyên - Chợ Mới	2023-2024	2.736		2.736	581	581			

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân	Nguồn đóng góp
Trường THCS Cổ Lũng. Hạng mục: Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	2023-2024	2.829		2.829	744	744			
Hệ thống điện chiếu sáng QL3 xã Cổ Lũng (từ Km 78+196 đến Km83+260);	2024	4.336		4.336	500	500			
Trường THCS Vô Tranh. Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và hạng mục phụ trợ	2024-2025	4.661		4.661	520	520			
Cải tạo, nâng cấp mở rộng đường vào khu sản xuất chè OCOP xã Tức Tranh	2023-2024	1.918		1.918	80	80			
Trường Tiểu học Phú Đô 1. Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và hạng mục phụ trợ	2024-2025	6.000		6.000	560	560			
Đường nông thôn mới kiểu mẫu xã Tức Tranh		1.230	120	1.230	170	170			
Nâng cấp, sửa chữa khuôn viên, nhà làm việc UBND xã Tức Tranh		520	30	520	70	70			
Mở rộng đường BT xóm Đồng sang năm 2024, xã Cổ Lũng (đường rộng 6m)		2.137	1.596	2.137	540	540			
Sửa chữa, nâng cấp chợ xã Tức Tranh		2.200	75	2.200	1.180	1.180			
Đường bê tông xóm Cây Thị, xã Tức Tranh (6,0m)		296	136	296	60	60			
Xây mới nhà văn hóa xóm Trung Thành 4, xã Vô Tranh		454	349	454	70	70			
Công trình thoát nước khu trung tâm xã Vô Tranh		1.000	50	1.000	78	78			
Đường bê tông xóm Phú Nam 3, xã Phú Đô		600	180	600	34	34			
Mở rộng đường GTNT xóm Cúc Lùng xã Phú Đô năm 2024 (Đường rộng 6m)		215	57	215	86	86			
Mở rộng đường GTNT xóm Phú Nam 7 xã Phú Đô (đường rộng 6m)		226	61	226	90	90			
Ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh đối ứng)		**3.298**	**958**	**3.298**	**700**	**700**			
Tuyến đường mẫu xóm Trung Thành 4 xã Vô Tranh (Đường rộng 6m)		640	266	640	150	150			
Tuyến đường mẫu xóm Làng Huyện xã Vô Tranh		270	59	270	130	130			
Tuyến đường mẫu xóm Toàn Thắng xã Vô Tranh		1.388	583	1.388	340	340			
Công trình thoát nước khu trung tâm xã Vô Tranh		1.000	50	1.000	80	80			

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân	Nguồn đóng góp
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi		**1.000**	**0**	**0**	**660**	**660**	**0**	**0**	**0**
Đường bê tông xóm Na Sàng năm 2025		1.000			660	660			
Nguồn chuyển nguồn năm 2024 sang 2025		**231.004**	**0**	**81.004**	**10.754**	**11.046**			
Nguồn thu tiền sử dụng đất									
Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng	2024-2028	150.000			483	483			
Ngân sách tỉnh bổ sung năm 2024									
Trường mầm non xã Cổ Lũng. Hạng mục: Phòng Cháy chữa cháy 02 nhà lớp học 2 tầng 8 phòng	2024-2025	837		837		165			
Trường mầm non xã Phú Đô. Hạng mục: Phòng Cháy chữa cháy nhà lớp học 2 tầng 6 phòng	2024-2026	680		680		127			
Vượt thu tiền đất năm 2024 chuyển sang 2025									
Cải tạo, mở rộng bếp ăn, hạng mục phụ trợ Cơ sở điều trị tự nguyện và công tác xã hội	2024	459		459	70	70			
Cải tạo, Sửa chữa đường Dốc Võng - Trại giam- Vô Tranh (đoạn km1 +215 đến Km2+375	2024	5.448		5.448	700	700			
Trường Mầm non Vô Tranh. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và hạng mục phụ trợ	2023-2024	8.185		8.185	200	200			
Trường Mầm non xã Tức Tranh. Hạng mục: Nhà 2 tầng, bếp ăn bán trú và hạng mục phụ trợ (điểm trường Khe Cốc)	2025-2026	6.900		6.900	1.425	1.425			
Sửa chữa, cải tạo vỉa hè tuyến QL3 đoạn từ trạm thu phí BOT đến ngã ba Bờ Đậu (từ Km78+00 đến Km79+600)	2025	9.000		9.000	2.250	2.250			
Sửa chữa, cải tạo vỉa hè đoạn từ xóm Bờ Đậu đến xóm Cây Cài xã Cổ Lũng (từ Km79+600 đến Km81+200)	2025	9.000		9.000	2.250	2.250			
Sửa chữa, cải tạo vỉa hè đoạn từ xóm Đường Gòong đến xóm Đồi Chè xã Cổ Lũng (từ Km81+200 đến Km83+200)	2025	10.200		10.200	705	705			
Tăng thu, tiết kiệm chi năm 2024 chuyển nguồn sang năm 2025									
Cải tạo, Sửa chữa đường Dốc Võng - Trại giam- Vô Tranh (đoạn km1 +215 đến Km2+375	2024	5.448		5.448	870	870			
Trường Mầm non Vô Tranh. Hạng mục: Nhà lớp học 3 tầng 9 phòng và hạng mục phụ trợ	2023-2024	8.185		8.185	414	414			
Trường THCS Phú Đô. Hạng mục: Nhà 2 tầng và hạng mục phụ trợ	2025-2026	6.000		6.000	1.300	1.300			

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân	Nguồn đóng góp
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NÔNG THÔN MỚI (Dự án 2: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền)				0					
Ngân sách tỉnh				0					
Trường THCS Vô Tranh. Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và hạng mục phụ trợ	2024-2025	4.661		4.661	41	41			
Trường Tiểu học Phú Đô 1. Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và hạng mục phụ trợ	2024-2025	6.000		6.000	47	47			
Nguồn kết dư năm 2024		**2.270**	**1.328**	**2.270**	**238**	**238**			
Đường bê tông xóm Đồng Hút năm 2024, xã Tức Tranh	2.024	545	345	545	40	40			
Mở rộng đường bê tông xóm Ngoài Tranh năm 2024, xã Tức Tranh	2.024	225	68	225	30	30			
Đường bê tông xóm Minh hợp năm 2024, xã Tức Tranh	2.024	608	405	608	78	78			
Đường bê tông xóm Cây Thị năm 2024, xã Tức Tranh	2.024	299	139	299	50	50			
Đường bê tông xóm Đồi chè năm 2024 xã Cổ Lũng	2.024	593	371	593	40	40			
Nguồn huy động đóng góp năm 2025		**7.946**	**2.893**	**7.946**	**1.454**	**1.548**			
Đường bê tông xóm Làng Đông năm 2024, xã Cổ Lũng	2.024	934	651	934	10	10			
Đường bê tông xóm Đồi Chè năm 2024, xã Cổ Lũng	2.024	593	371	593	190	190			
Mở rộng đường bê tông xóm Đồng Sang năm 2024, xã Cổ Lũng (đường rộng 6m)	2.024	2.137	892	2.137	625	625			
Đường bê tông xóm Đồng Sang năm 2024, xã Cổ Lũng	2.024	228	0	228	135	135			
Đường GTNT xóm Na Sàng xã Phú Đô năm 2024	2.024	600	30	600		25			
Đường GTNT xóm Phú Bắc xã Phú Đô năm 2024	2.024	1.100	55	1.100		14			
Đường GTNT xóm Phú Nam 8 xã Phú Đô 2024	2.024	1.100	55	1.100		55			
Đường bê tông xóm Cầu Bình 1 năm 2024	2.024	705	472	705	318	318			
Đường bê tông xóm Cầu Bình 2, xã Vô Tranh năm 2024 (đoạn 2)	2.024	380	254	380	140	140			

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 30/6/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2025			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng			Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
								Nguồn cân đối ngân	Nguồn đóng góp
Đường bê tông xóm Liên Hồng 7 năm 2024	2.024	169	113	169	36	36			